TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST.
Ngày: 20-9-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Sà Phải.

Bà Hà Ngân Kim Tới.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Ngọc Trân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-KDTM, ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở: Đường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cư trú tại: Đường P, phường M, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hoàng N; cư trú tại đường T, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền số 438 ngày 09/6/2016 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thiên T; cư trú tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lưu Thành K; cư trú tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08 tháng 3 năm 2017 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của nguyên đơn ông N trình bày:

Ngày 18/01/2016, bà Phan Thiên T đã đến Ngân hàng TMCP C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) – Chi nhánh Sóc Trăng – PGD T ký hợp đồng tín dụng số 62/2016- HĐTD/NHCT822 ngày 18/01/2016 với số tiền vay là: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); phương thức cho vay: Từng lần; thời hạn cho vay là 12 tháng, kể từ ngày 18/01/2016 đến ngày 18/01/2017; lãi suất cho vay 9,5%/năm; lãi suất phạt quá hạn là 50% lãi suất vay trong hạn; trả lãi vào ngày 25 hàng tháng; mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua thịt heo, hải sản, rau cải phục vụ kinh doanh.

Bà Phan Thiên T và ông Lưu Thành K đã dùng tài sản của ông, bà là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng với diện tích đất là 74,3m^2, loại đất ODT (trong đó có 24,8m^2 nằm trong hành lang an toàn lộ giao thông) thuộc giấy cứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 504072 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00641 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 23/4/2012 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bà Phan Thiên T theo HĐTC số 03/PGDTĐ ngày 20/5/2013 đã được công chứng ngày 28/5/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà T đã trả nợ lãi đến hết ngày 25/12/2016. Khi đến hạn tất toán theo hợp đồng, bà Phan Thiên T đã không thực hiện đúng theo hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ trực tiếp đến gặp bà T để đôn đốc việc thực hiện hợp đồng nhưng đến nay bà T đã không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng. Dư nợ gốc và lãi vay tạm tính đến hết ngày 08/3/2017 như sau:

- Nợ gốc: 22.999.798 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 443.066 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 151.735 đồng

Tổng cộng gốc và lãi còn nợ là 23.594.599 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bà Phan Thiên T trả đầy đủ nợ vay gốc, lãi suất đến hạn với số tiền tạm tính đến hết ngày 08/3/2017 là: 23.594.599 đồng và các chi phí, lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến ngày thực trả tất nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khả năng tài chính để trả nợ vay đầy đủ và kịp thời, Ngân hàng yêu cầu Tòa án ra quyết định phát mãi tài sản bảo đảm trả nợ vay để thu hồi nợ theo quy định hiện hành theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/PGDTĐ ngày 20/5/2013 đã được công chứng ngày 28/5/2013.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã trả cho Ngân hàng 03 lần với số tiền vốn gốc 5.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày xét xử 20/9/2017, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 17.999.798 đồng và lãi suất 2.209.521 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi suất là 20.209.319 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thiên T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử 20/9/2017 tổng cộng là 20.209.319 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà T không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bà T và ông K đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2017, bị đơn bà Phan Thiên T trình bày:

Ngày 18/01/2016, bà T có ký hợp đồng tín dụng số 62/2016-HĐTD/NHCT822 với Ngân hàng thương mại cổ phần C để vay số tiền 25.000.000 đồng, mục đích để thanh toán tiền mua thịt heo, hải sản, rau cải phục vụ kinh doanh. Khi vay, bà T và chồng là ông Lưu Thành K có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất 74,3m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 504072 do UBND huyện T cấp ngày 23/4/2012 do bà T và ông Lưu Thành K cùng đứng tên chủ sử dụng đất, khi thế chấp có tài sản là 01 căn nhà tường cấp 4 trên đất, hiện nay bà T và ông Lưu Thành K đang quản lý, sử dụng diện tích đất và căn nhà nêu trên. Trong quá trình vay, bà T đã thanh toán một phần nợ gốc cho Ngân hàng. Tính đến ngày 15/8/2017, bà T còn nợ Ngân hàng khoảng 20.000.000 đồng. Nay bà T đồng ý trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng theo quy định hợp đồng. Bà T đã đến Ngân hàng để thỏa thuận việc trả tiền là hàng tháng bà T trả nợ 1.000.000

đồng cho đến khi dứt nợ gốc và nợ lãi, Ngân hàng ưu tiên cho bà T trả nợ gốc trước, trả nợ lãi sau. Trong trường hợp bà T không trả được nợ đúng theo thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Thành K:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 04/TB-TLVA ngày 06 tháng 6 năm 2017, tống đạt hợp lệ cho ông K, nhưng ông K không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông K để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn Phan Thiên T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thành K không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Đối với bị đơn bà Phan Thiên T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Thành K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phan Thiên T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Thành K.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng trình bày: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu bà Phan Thiên T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất tạm tính đến ngày 08/3/2017 là 23.594.599 đồng (nợ gốc 22.999.798 đồng và nợ lãi 594.801 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã trả cho Ngân hàng 03 lần với số tiền vốn gốc 5.000.000 đồng. Như vậy, tính

đến ngày xét xử 20/9/2017, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 17.999.798 đồng và lãi suất 2.209.521 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi suất là 20.209.319 đồng. Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà Phan Thiên T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử 20/9/2017 tổng cộng là 20.209.319 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà T không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bà T và ông K đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

[4] Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung:

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C yêu cầu bị đơn bà Phan Thiên T phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 17. 999.798 đồng và lãi suất 2.209.521 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi suất là 20.209.319 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà T không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bà T và ông K đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Phan Thiên T trả tiền vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 18/01/2016, bà Phan Thiên T có ký hợp đồng tín dụng số 62/2016-HĐTD/NHCT822 với Ngân hàng thương mại cổ phần C để vay số tiền 25.000.000 đồng, mục đích để thanh toán tiền mua thịt heo, hải sản, rau cải phục vụ kinh doanh với lãi suất 9,5%/năm và lãi suất phạt nợ gốc quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận hợp đồng và tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2017, bị đơn bà Phan Thiên T đã thừa nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[8] Từ khi vay đến nay, bà T đã trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc tổng cộng 7.000.202 đồng và đã trả tiền lãi suất đến hết ngày 25/12/2016. Theo người đại diện của Ngân hàng thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2017, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền như sau: Nợ gốc: 17.999.798 đồng; lãi trong hạn: 1.517.875 đồng (từ ngày 26/12/2016 đến ngày 20/9/2017); lãi phạt trễ hạn: 691.646 đồng (từ ngày 18/01/2017 đến ngày 20/9/2017). Tổng cộng vốn gốc và lãi: 20.209.319 đồng.

[9] Theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp

luật" và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định " Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn" và trong hợp đồng tín dụng 62/2016-HĐTD/NHCT822 ngày 18/01/2017 thì hai bên cũng đã thỏa thuận bên vay là bà T có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết, cụ thể đến hạn trả nợ, bà T không trả đầy đủ, đúng hạn. Như vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền vốn gốc và lãi suất nêu trên là có căn cứ.

[10] Xét yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký: Theo án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì "Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: Lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định của án lệ số 08/2016/AL thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần C.

[11] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy:

[12] Để đảm bảo khoản nợ vay Ngân hàng bà Phan Thiên T và ông Lưu Thành K có thế chấp quyền sử dụng đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 504072, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00641 đối với diện tích đất 74,3m^2, loại đất ODT (trong đó có 24,8m^2 nằm trong hành lang an toàn lộ giao thông) thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 13 tọa lạc ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 23/4/2012 cho bà Phan Thiên T và ông Lưu Thành K cùng đứng tên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/PGDTĐ ngày 20/5/2013 đã được công chứng ngày 28/5/2013. Hợp đồng thế chấp này hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành xác minh và xem xét, thẩm định tại chỗ thì xác định được toàn bộ phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất trên không có thay đổi về hiện trạng so với khi thế chấp và hiện nay tài sản thế chấp do bà T và ông K đang quản lý, sử dụng.

[13] Theo quy định tại Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005 "Khi đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp quyền sử dụng đất mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì quyền sử dụng đất đã thế chấp được xử lý theo thỏa thuận; nếu không thỏa thuận hoặc không xử lý được theo thỏa thuận thì bên nhận thế chấp có quyền khởi kiện tại Tòa án", tại khoản 1 Điều 68 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm quy định "Trong trường hợp không có thoả thuận về phương thức xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì các tài sản này được bán đấu giá" và theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định bổ sung khoản 3 Điều 68 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP như sau "Trong trường hợp chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản gắn liền với đất được xử lý đồng thời với quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Như vậy, căn cứ vào các quy định này thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên của bà T và ông K nếu bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ là có căn cứ chấp nhận và khi có yêu cầu thì bà T và ông K có trách nhiệm giao lại tài sản thế chấp mà ông, bà đang quản lý để cơ quan có thẩm quyền xử lý.

[14] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn bà Phan Thiên phải nộp 250.000 đồng để hoàn trả lại cho nguyên đơn vì nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước.

[16] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên bị đơn Phan Thiên T phải chịu toàn bộ án phí đối với vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng.

[17] Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 351, khoản 1 Điều 474, Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C.

1.1. Xử buộc bị đơn bà Phan Thiên T có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền như sau:

1.2. Số tiền vốn gốc 17.999.798 đồng, lãi suất trong hạn: 1.517.875 đồng (từ ngày 26/12/2016 đến ngày 20/9/2017); lãi suất phạt trễ hạn: 691.646 đồng (từ ngày 18/01/2017 đến ngày 20/9/2017). Tổng cộng vốn gốc và lãi: 20.209.319 đồng (Hai mươi triệu hai trăm lẻ chín nghìn ba trăm mười chín đồng).

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn bà Phan Thiên T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

1.4. Trong trường hợp bà Phan Thiên Trang không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C, thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích đất 74,3m^2, loại đất ODT (trong đó có 24,8m^2 nằm trong hành lang an toàn lộ giao thông) thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 13 tọa lạc ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 504072, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00641 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 23/4/2012 cho bà Phan Thiên T và ông Lưu Thành K cùng đứng tên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/PGDTĐ ngày 20/5/2013. Khi có yêu cầu thì bà T và ông K có trách nhiệm giao lại tài sản thế chấp mà ông, bà đang quản lý để cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Phan Thiên T phải chịu 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) để trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C đã nộp trước.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn bà Phan Thiên T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí trong vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006328 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THA dân sự huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn